

Bản án số:10/2022/DS-ST

Ngày 26-7-2022

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Chí Thanh.
2. Ông Bùi Văn Sinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06-7 và ngày 26-7-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/ QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Thị P, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm B, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Trần Văn T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn R, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09-02-2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là bà Lê Thị P trình bày:

Trước đây bà P và ông T có quen biết nhau, do làm ăn nên ông T mượn của bà P 10 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi và tiền mặt là 29.000.000đồng. Ông T có viết giấy tay ngày 15-3-2008, vì chỗ thân quen nên bà P không có tính lãi. Đến khoảng năm 2020, thì ông T có cản trở cho bà N trả thay cho ông T được số tiền gốc là 15.000.000đồng, còn nợ lại số tiền là 14.000.000đồng và 10 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi ông T không trả. Bà P đã nhiều lần đòi nhưng ông T vẫn không trả.

Nay bà P yêu cầu ông Trần Văn T phải trả 10 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi và số tiền vay còn thiếu gốc là 14.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Trần Văn T trình bày:

Ông Trần Văn T thừa nhận có vay vàng và tiền của bà Lê Thị P. Tuy nhiên, khi ông vay của bà P vào năm 2005 là một vòng tay 10 chỉ vàng 18 kara và số tiền 29.000.000đồng. Lúc đó ông T nhờ bà P đi bán dùm cái vòng tay 10 chỉ vàng 18 kara được 15.000.000đồng nên ông T chỉ mượn của bà P 44.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày, vừa trả vốn vừa trả lãi hàng tháng, ông T trả nợ hàng tháng tùy vào thu nhập. Đến năm 2008, do lúc này ông T làm ăn khó khăn nên bà P yêu cầu ông viết tờ tính tiền ngày 15-3-2008, từ khi viết tờ tính tiền thì ông vẫn trả theo thỏa thuận cho bà P. Đến thời điểm này ông T đã trả xong số tiền mượn bà P là 44.000.000đồng. Nay bà P yêu cầu ông Trần Văn T phải trả 10 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi và số tiền vay gốc là 14.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi thì ông T không thống nhất. Đối với số tiền 15.000.000đồng mà bà N trả thay ông T cho bà P. Ông T cho rằng do thấy hoàn cảnh bà P khó khăn nên ông cản trở nợ mà bà N thiếu ông để bà N trả cho bà P, số tiền này là ông cho bà P chứ không phải ông trả nợ vì phần nợ ông thiếu bà P ông đã trả xong. Ông T không có tranh chấp gì, ông cũng không yêu cầu đưa bà N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị P; Buộc ông Trần Văn T trả cho bà Lê Thị P số tiền vay còn thiếu gốc là 14.000.000đồng và 10 chỉ vàng 18kara, không có tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P nộp tại Tòa án về việc yêu cầu ông Trần Văn T trả số vàng còn thiếu là 10 chỉ vàng 24 kara 9,8tuổi và số tiền vay còn thiếu gốc là 14.000.000đồng, không tính lãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý, giải quyết vụ án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Trần Văn T. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận xác lập tờ tính tiền từ năm 2008 và khi đó không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả. Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số vàng còn thiếu là 10 chỉ vàng 24 kara 9,8 tuổi và số tiền vay còn thiếu gốc là 14.000.000đồng, không tính lãi. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp đòi lại tài sản.

Giao dịch dân sự (hợp đồng vay tài sản) giữa nguyên đơn và bị đơn thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực (ngày 01-01-2017) nên căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 áp dụng Bộ luật dân sự 2005 để căn cứ giải quyết.

- Về thẩm quyền : Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và người khởi kiện, người bị kiện khi Tòa án thụ lý đều có địa chỉ cư trú tại huyện Tân Hồng. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P.

Bà Lê Thị P yêu cầu ông Trần Văn T trả số vàng còn thiếu là 10 chỉ vàng 24kara 9,8 tuổi và số tiền vay còn thiếu gốc là 14.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo tờ tính tiền ngày 15-3-2008 mà ông T viết và ký tên thì ông T thừa nhận có mượn bà Lê Thị P 01 cây (10 chỉ) vàng và số tiền là 29.000.000đồng. Tuy nhiên, ông T cho rằng tờ tính tiền ghi số vàng là 01 cây (10 chỉ) vàng 18kara (quy ra tiền tại thời điểm vay là 15.000.000đồng). Do đó, ông T chỉ mượn bà P tổng cộng là 44.000.000đồng, khi vay hai bên thỏa thuận là trả góp gốc lãi hàng tháng với lãi suất là 5.000đồng/1.000.000đồng/ngày và đến nay thì ông T đã góp trả đủ gốc lãi số tiền vay cho bà P. Nhưng ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc có trả gốc lãi tiền và vàng cho bà P như ông trình bày. Bên cạnh đó, bà Lê Thị P cho rằng 01 cây (10 chỉ) ghi trong tờ tính tiền là vàng 24kara 9,8 tuổi. Tuy nhiên, bà P không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc ông T vay của bà P 01 cây (10 chỉ) vàng là vàng 24kara 9,8 tuổi.

Đối với tiền vay là 29.000.000đồng thì bà P cản trừ tiền bà N trả thay cho ông T là 15.000.000đồng. Vậy, ông T còn thiếu bà P số tiền là 14.000.000đồng. Ông T cũng thừa nhận bà N trả cho bà P được số tiền là 15.000.000đồng. Nhưng ông T cho rằng đây là số tiền ông cho bà P vì số tiền ông nợ ông đã trả cho bà P xong. Tuy nhiên, ông T không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Từ đó, phân tích trên nhận thấy có việc vay tiền và vàng giữa bà P và ông T là có thật. Do đó, căn cứ Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu của bà Lê Thị P. Buộc ông T trả cho bà P số tiền vay còn thiếu gốc là 14.000.000đồng và số vàng còn thiếu là 10 chỉ vàng 18kara.

Bà P không yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 15.000.000đồng bà N trả cho bà P. Bà P cũng thừa nhận có nhận 15.000.000đồng mà bà N trả thay cho ông T (số tiền này bà P đã cản trừ khi khởi kiện). Nhưng ông T cho rằng đây là số tiền mà ông cho thêm bà P do hoàn cảnh bà P khó khăn chứ không phải cản trừ nợ vì số tiền và vàng mà ông vay của bà P ông đã trả xong. Ông T không có tranh chấp gì đối với số tiền này và cũng không cung cấp được họ tên, năm sinh cụ thể của bà N. Ông T và bà P cũng không yêu cầu đưa bà N tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó, không cần thiết phải đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Nếu sau này giữa bà N và ông T có tranh chấp thì giải quyết thành vụ án khác.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và các Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải trả là (14.000.000đồng + 34.500.000đồng (Theo xác nhận giá vàng của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Hồng thì giá vàng 18kara là 3.450.000đồng/01 chỉ) x 5% = 2.425.000đồng.

Bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần yêu cầu không được chấp nhận là (53.800.000đồng– 34.500.000đồng) (Theo xác nhận giá vàng của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Hồng thì giá vàng 18kara là 3.450.000đồng/01 chỉ và vàng 24kara 9,8 tuổi là 5.380.000đồng/chỉ) = 19.300.000đồng x 5% = 965.000đồng nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 1.625.000đồng theo biên lai số 0002784 ngày 25-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy bà Lê Thị P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 660.000đồng.

[4] Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 186, 188, 189, 190, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 471, 473 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị P.

Buộc ông Trần Văn T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị P số tiền vay còn thiếu gốc là 14.000.000đồng (Mười bốn triệu đồng) và 10 (mười) chỉ vàng 18 kara, không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án mà bên thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của sổ vàng (nếu pháp luật có quy định) và số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.425.000đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) .

Bà Lê Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên phần yêu cầu không được chấp nhận là 965.000đồng nhưng khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 1.625.000đồng theo biên lai số 0002784 ngày 25-02-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng. Vậy bà Lê Thị P được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 660.000đồng.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 26-7-2022).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Mỹ Hương